

Vài Nét Về Đà Lạt

"Địa danh" ở đây được dùng theo nghĩa rộng: tên đất, tên buôn làng, tên núi, sông, suối cho đến phố, chợ... Viết bài này chúng tôi dùng phần lớn tài liệu của các dân tộc ít người ở Đà Lạt - Lâm Đồng, những tài liệu chưa được công bố rộng rãi cho nên không tránh được những sai sót. Rất mong bạn đọc thông cảm và góp ý.

Các tên sông, suối, núi, đồi... ở Đà Lạt - Lâm Đồng được xếp theo một trong bốn loại như sau:

1) Tên Nôm (Việt) thuần túy: hồ Than Thở, Chợ Mới, Cầu Đất...

2) Tên Hán - Việt: phần lớn được đặt lại sau năm 1956 như: An Phước, Phú Sơn, Xuân Hương (hồ); Vạn Kiếp (hồ).

3) Tên địa phương (gốc từ âm của tiếng dân tộc ít người bản địa Đà Lạt - Lâm Đồng): Đà Lạt, Đa Đồn, Cam Ly, Đa Nhim.

4) Ngoài ra một số tên do người Pháp đặt bây giờ đã đổi lại rồi như ấp Saint Jean; Saint Benoit... hoặc một số tên gốc Chăm như: Prenn, Kloong...

Về người đặt tên và thời kỳ đặt tên, thì mỗi địa danh chúng tôi sẽ đề cập đến nhưng một cách chung nhất chúng ta cần nhớ các thời điểm quan trọng sau:

- Năm Minh Mạng thứ 17 (1836) Minh Mạng ban dụ phải lập sổ sách địa bạ cho Nam Việt và các miền Nam thuộc, ấn định và ghi chép tất cả các tên đơn vị hành chính. Đà Lạt - Lâm Đồng cũng thuộc phủ Bình Thuận, với tên là Di Dinh thổ phủ.

- Năm 1956, Ngô Đình Diệm ký sắc lệnh số 143/NV ngày 22-10-56 đổi một số tên tỉnh miền Nam. Đà Lạt - Lâm Đồng chia làm 2 tỉnh: Tuyên Đức và Lâm Đồng (Lâm Đồng cũ nay chỉ gồm 2 phần đất Di Linh và Bảo Lộc). Với sắc lệnh này một số tên gốc từ tiếng dân tộc thiểu số hoặc tiếng Pháp đều được Hán - Việt hóa như B'Laô thành Bảo Lộc, Lạc thành Lạc Thiện, Dran thành Đơn Dương...

- Sau năm 1975, một số tên đường, ấp, làng, hồ, trường... ở Đà Lạt - Lâm Đồng bị thay đổi như: đường Yersin thành đường Trần Phú, hồ Than Thở thành hồ Sương Mai...

Theo chúng tôi, ba thời điểm trên về thay đổi địa danh tại Đà Lạt - Lâm Đồng cũng như tại miền Nam có ảnh hưởng quan trọng nhất, biết được ba thời điểm này chúng ta mới khỏi lẫn lộn các địa danh.

Sau đây chúng ta lần lượt tìm hiểu các tên Đà Lạt, Cam Ly, Prenn, hồ Xuân Hương, Vạn Kiếp... bắt đầu các địa danh tại Đà Lạt rồi đến các huyện của tỉnh Lâm Đồng: Lạc Dương, Suối Vàng, Đức Trọng, Liên Khương... Trật tự này cũng có thể thay đổi theo yêu cầu của báo Du lịch. Sau này nếu đưa phần này vào Địa phương chí Đà Lạt chúng tôi sẽ thay đổi thứ tự để phù hợp với sách nghiên cứu hơn.

1) ĐALAT

Có khi viết là Đà Lạt, hiện nay là tên thành phố của tỉnh Lâm Đồng. Có các giả thuyết sau về tên gọi ĐALAT.

- Thuyết đầu tiên cho rằng ĐALAT là do tên người Pháp đặt, lấy 5 chữ cái đầu trong một câu châm ngôn chữ Latinh ghép lại "*Dat Aliis Laetitiā Aliis Temperiem*" (Cho người này niềm vui, người kia sự mát dịu). Nhiều người biết Đà Lạt theo giả thuyết này, nhưng chính viên công sứ đầu tiên của thành phố Đà Lạt - ông Cunhac- đã phủ nhận điều trên và xác nhận rằng ĐALAT là tên do người thiểu số đặt.

- Giả thuyết thứ hai cho rằng ĐALAT gốc tiếng Hán - Việt: ĐALAT (hoặc) Đa: nhiều; Lạc: bộ lạc, nước suối, Lạc còn có nghĩa là vui. Từ đó người ta hiểu Đa Lạt là nơi có nhiều bộ lạc quần tụ, nơi có nhiều suối hoặc Đa Lạt là nơi cho ta nhiều niềm vui, an bình.

Giả thuyết này có cơ sở pháp lý từ năm 1956, năm Ngô Đình Diệm ký sắc lệnh 143/NV ngày 22-10-1956 Hán - Việt hóa, văn chương hóa các tên tỉnh thành thuần Nôm hoặc thuần sắc tộc (dân tộc ít người) và cuối năm 1958 Hội đồng dân biểu Thị xã Đà Lạt do Nguyễn Vỹ làm chủ tịch đặt tên lại cho những con đường, hồ nước Đà Lạt. Do đó mà Grand Lac thành hồ Xuân Hương, Lac du Cité Decoux thành hồ Vạn Kiếp.

Ngô Đình Diệm hiểu Đà Lạt theo nghĩa Hán - Việt nên không đổi tên như đã thay đổi một loạt tên tỉnh, quận thời ấy: B'Laô thành Bảo Lộc, Lak thành Lạc Thiện... Ngô Đình Diệm "sính" các từ Hán - Việt như: Đức, Thiên, Lạc, Mỹ... nên các Hội đồng tỉnh, thị xã cũng theo sở thích ấy mà Hán - Việt hóa hầu hết các tên mang tính cách địa phương.

Nhưng hai giả thuyết trên đều sai. Đa Lạt có gốc từ tiếng dân tộc ít người của Đa Lạt - Lâm Đồng. Chữ viết "ĐA" hoặc "Đà" cũng đều đọc là "Đạ" nghĩa là "nước", "con sông, giòng suối"; "Lạt" do âm Lat hoặc Lach chỉ tên một tộc người thiểu số chỉ có tại cao nguyên Lâm Viên. Lat là rừng thưa, mà tộc người này dùng để đặt tên phân biệt với các tộc khác như K'Ho (người sống trên núi cao), Churu: kẻ chiếm đất.

Như vậy Đa Lạt có nghĩa là con suối của người Lat, hay là con nước của người Lat. Trước thế kỷ 19 vùng Đa Lạt có 3 tộc người chính sống gần nhau: Chin, Koho, Lat. Mỗi tộc người lấy một ngọn núi, một con suối (có khi chỉ một đoạn)... làm buôn làng, quê hương, nước của mình. Cunhac - viên công sứ đầu tiên của Đà Lạt - đã nói đúng qua phỏng vấn của Baudrit ... *à la place du lac coulait le petit ruisseau de la tribu des Lat qu'on appelait "Dalat"*. (Da ou Dak: eau en moi): ở nơi hồ nước giòng suối nhỏ của bộ lạc Lat chảy qua mà người ta gọi là Đalat (theo tiếng thượng Da hay dak có nghĩa là nước) (2). Cunhac đã hiểu đúng về nguồn gốc của từ Đa Lạt nhưng ở một đoạn sau Cunhac lại phát biểu sai làm cho sau này rất nhiều người kể cả các nhà nghiên cứu căn cứ câu nói trên của Cunhac mà hiểu không đúng gốc gác tên giòng suối mang tên rất êm đềm: Cam Ly.

2) CAMLY

Tên của một thác nước cách trung tâm Đalat (Chợ Mới) 3 km và là tên một dòng suối từ hồ Xuân Hương đến thác nước.

- Có người hiểu rằng Camly gốc tiếng Hán - Việt hoặc thuần Việt: CAM : ngọt, Ly: nước thấm vào đất (Ly trong mê ly cũng do nghĩa này). Từ đó Camly biểu tượng một dòng suối có nước mát ngọt thấm vào lòng du khách, phảng phất hương vị liêu trai làm người đi nhớ mãi không quên:

*"Đà Lạt có thác Camly,
Người ơi! Người ở người đi sao đành".*

(Ca dao)

Tên Camly đẹp và lôi cuốn như vậy nên Cunhac đã lầm tưởng đó là tên người Việt đặt. Cunhac nói: "L' aspect primitif ne s'est guère modifié jusqu'à ces dernières années. à la place du Lac coulait le petit ruisseau de la tribu des Lat et qu'on appelait "DALAT" (Da ou Dak: eau en Moi) et auquel pour une raison que je n'explique guère on a substitué le nom annamite de Camly"... (Cho đến những năm gần đây, quang cảnh ban sơ không có gì thay đổi. Ở chỗ hồ nước giòng suối nhỏ của bộ tộc Lat chảy qua người ta gọi là Dalat (theo tiếng Thượng DA hay DAK có nghĩa là nước) và tôi không hiểu lý do tại sao người ta lại thay thế bằng tên An Nam là CAM LY".

Có lẽ Cunhac không biết rõ lắm về các dân tộc ít người, không hiểu rằng vùng Dalat Cam Ly lúc ấy ngoài tộc Lat còn có Chil và Kơ Ho. Hai bên bờ suối Cam Ly và bờ hồ Xuân Hương có đến ba tộc người thiểu số. Người Lat chiếm thung lũng hồ Xuân Hương và vùng bờ phía Phan Bội Châu, Chợ Mới hiện nay. Người Chil và Kơ Ho giữ một phía bờ suối và hồ là khu vực từ cầu Bá Hộ Chư đến thác Cam Ly.

Tộc người Kơ Ho do ông K'Mly làm tù trưởng nên sau khi ông K'Mly mất, bộ tộc Kơ Ho lấy tên ông đặt tên cho một vùng đất, đoạn suối mà họ xem là buôn làng, quê hương của họ.

Từ đó mà một phần con suối Dalat lại đổi tên là K'Mly. Âm K'Mly đọc nhanh thành Kam Ly (Cam Ly) làm cho Cunhac lầm tưởng là tên thuần Việt Nam (le nom annamite)...

... Cam Ly có nguồn từ đỉnh Lang Bian chảy qua thành phố, có đoạn nhỏ như dòng suối mà tạo nên nhiều hồ nổi tiếng của xứ hoa anh đào. Sau này chúng ta lần lượt đi thăm những hồ nước ấy.

3) HỒ THAN THỞ

Khởi thủy chỉ là một hồ nhỏ. Về sau người Pháp cho ngăn đập nước tạo thành hồ và đặt tên là Lac des Soupirs. Sau sắc lệnh số 143/NV ngày 22-10-1956, Lac des Soupirs trở về lại với tên cũ Than Thở. Sau năm 1975, có một thời gian Than Thở thành Sương Mai. Nhưng trong nhân dân Dalat và du khách, khi nhắc đến cảnh đẹp Dalat người ta vẫn dùng Than Thở chứ không dùng Sương Mai.

Hồ cách trung tâm Dalat khoảng 6 cây số, trên đường đi Thái Phiên hoặc Chi Lăng. Xuống bến xe Chi Lăng du khách rẽ sang tay phải vào một con đường nhỏ nằm gần rừng thông bát ngát. Từ bến xe Chi Lăng đến hồ, đoạn đường dài gần một cây số. Trên đồi cao là bể chứa nước rất lớn, trước đây cung cấp nước cho thành phố. Cảnh vật quanh hồ thật im vắng. Mặt hồ trầm ngâm phẳng lặng. Con đường đất nhỏ hẹp bỏ quanh hồ mất hút xa xa. Gió lên, thông reo: lời ru khi êm ái, khi như nước nỡ khóc than. Quanh hồ, có bao nhiêu truyền thuyết, tình sử. Có người kể hồ Than Thở là nơi trầm mình của những người vì tình dang dở:

Chàng tên là Tâm, nàng tên là Thủy. Hai người yêu nhau từ tuổi 15, tuổi học trò ngây thơ, nhiều mộng ước. Nhưng về sau, chàng phụ nàng, vui duyên mới. Thủy trầm mình, kết liễu một đời hoa... mỗi tình đứt đoạn còn lại một ngôi mộ của Thủy bên hồ mà trên tấm bia Thủy để lại hai câu thơ :

*Mây xanh nước biếc dù thay đổi
Ngàn năm Thủy vẫn ở trong Tâm*

Không rõ bao lớp đất thời gian đã phủ kín mộ bia có ghi hai câu thơ cho mỗi tình đau thương ấy? Ngày nay du khách chỉ có thể tìm ra một ngôi mộ đất bên kia đường cách nhà nghỉ mát khoảng 50 mét. Ngôi mộ không có gì đặc biệt so với 20, 30 năm mộ khác nhưng thường có hương hoa của khách viếng thăm, cảm thông người mệnh bạc. Nhưng bia mộ không ghi tên Thủy mà tên Thảo. Thủy hay Thảo có hề chi, đều là phận hồng nhan:

*Phận hồng nhan có mong manh,
Nửa chừng xuân thoát gầy cành thiên hương.*

Ai đọc truyện Kiều mà không đồng điệu với người bạc mệnh?

Nhưng một thiên tình sử khác cũng được lưu truyền trong nhân dân Dalat về hồ Than Thở, đồng thời liên quan đến lịch sử người Việt lên Dalat - Lâm Đồng.

*Hồn thiêng em hãy đợi chờ
Mặt hồ Than Thở bây giờ là đây.*

Truyện không xa lắm mà vào cuối thế kỷ 18, năm 1789 vua Quang Trung từ Huế ra Bắc đánh đuổi quân xâm lược nhà Thanh. Thuở ấy, nghĩa sĩ các nơi từ các Sơn động, Man động từ trấn Gia Định đến Thuận Hóa đều tòng quân đánh giặc. Nơi đây, giữa núi rừng Lang Bian, bên hồ nước biếc, có đôi tình nhân trẻ chiều chiều thường gặp nhau kết mộng đợi ngày xum họp. Chàng tên là Hoàng Tùng, nàng là Mai Nương. Hai người đều là gốc người Việt, theo cha mẹ từ già đồng bằng lên Sơn quốc tránh chế độ hà khắc của chúa Nguyễn, hòa mình với người Man, người Lạc, nhưng lòng họ luôn vương vấn về quê cha, đất tổ. Rồi họ biết được người anh hùng áo vải Quang Trung đã thống nhất Tổ quốc, kêu gọi toàn dân Việt đánh đuổi xâm lược Mãn Thanh. Một ngày kia Hoàng Tùng lên đường theo tiếng gọi của núi sông, chia tay Mai Nương bên hồ.

Người đi chưa về, tin buồn đến: Hoàng Tùng tử trận, Mai Nương buồn rầu, quyết chết theo người tình. Một nàng chôn ở bên hồ. Nhưng mấy tháng sau, Hoàng Tùng thắng trận, trở về tìm lại người xưa. Mai Nương không còn nữa. Chàng nguyện suốt đời ở vậy cho trọn mối tình chung. Mấy năm qua, triều đại Tây Sơn sụp đổ, Nguyễn ánh chiếm được Phú Xuân. Tin ấy đến Sơn Động, Hoàng Tùng hết hy vọng, đau đớn tình riêng, xót xa vận nước. Hoàng Tùng nhảy xuống hồ chết theo Mai Nương, chết theo sự nghiệp của người anh hùng áo vải cờ đào. Từ đó mỗi sáng sớm hoặc hoàng hôn, ngàn thông bên hồ trỗi lên khúc nhạc bi hùng như thở than và ca ngợi đôi trai tài gái sắc vì nước trọn tình. Do đó người sau đặt tên cho là hồ Than Thở. Tên hồ có khoảng gần 200 năm qua, khi người Việt đầu tiên lên Đà Lạt - Lâm Đồng (1789).

Đứng ở hồ Than Thở, du khách thấy rõ ràng ngọn Lạc Nam (Labbé Sud), một trong những ngọn núi cao (1.707m), cao hơn cả đỉnh Gió Hú (1.621m) ở Trại Mát.

4) HỒ XUÂN HƯƠNG

Ở trung tâm thành phố, trên độ cao 1.477m, chu vi 5.000m, rộng 4.5 ha. Ngày trước hồ vốn là thung lũng có các tộc người Lat, Chil cư trú. Năm 1919, trong chương trình hồi sinh thành phố của toàn quyền Doumer, kỹ sư công chính Labbé cho xây đập Thủy Tạ đến quán Hương Đạo cũ. Năm 1923, lại xây thêm đập phía dưới, tạo thành hai hồ. Tháng 3 năm 1932 một cơn bão lớn, hai đập bị vỡ. Năm 1934-1935, kỹ sư Trần Đăng Khoa xây một đập lớn bằng đá, đó là cầu ông Đạo ngày nay (ông Đạo là tên nhân dân Đà Lạt gọi viên quản đạo thời ấy, là Phạm Khắc Hòe). Người Pháp đặt tên là Grand Lac (Hồ Lớn). Năm 1953, Nguyễn Vỹ, chủ tịch Hội đồng thị chính (Nghị viên) đổi tên là hồ Xuân Hương, lấy tên một nhà thơ Nôm nổi tiếng của Việt Nam, thế kỷ 19. Hồ Xuân Hương đã tặng vẻ duyên dáng yêu kiều cho Đà Lạt. Nếu không có hồ nước, Đà Lạt đơn điệu với những ngọn đồi rừng thông. Nhưng Đà Lạt đã có hồ Xuân Hương, làm phong phú thêm cho tình cảm, trầm tư của con người:

*Ai hãy làm thinh chớ nói nhiều
Để nghe dưới đáy nước hồ reo
Để nghe tơ liễu run trong gió
Và để xem trời giải nghĩa yêu*

Hồ Xuân Hương gắn liền với cuộc sống của dân Đà thành, với những biến động thăng trầm của Thành phố Hoa. Vào mùa nắng, nước hồ thường xanh biếc. Vào mùa mưa, trong những ngày mưa lớn, nước đỏ ngầu, vẻ đẹp của Xuân Hương không giống như vẻ đẹp hồ Hoàn Kiếm của Thủ đô Hà Nội hay Tịnh Tâm của cố đô Huế. Nước hồ Hoàn Kiếm có màu xanh mạ non soi bóng Tháp Rùa, Tháp Bút ghi dấu của quá khứ dân Việt từ thời dựng nước và giữ nước. Còn Tịnh Tâm ngát hương sen, hình như lúc nào cũng âm thầm, là vang bóng một triều đại đã qua. Còn hồ Xuân Hương có nét kiều diễm của phương Tây. Nước xanh soi bóng những cây đào rực hồng, không e lệ ngại ngần, luôn luôn bật thiệp với khách nước ngoài, có ai ngờ cách đây chỉ 100 năm, đáy hồ còn là xứ sở, bản làng của các tộc người bản địa Lang Biang. Hằng năm, đến mùa giáp tết, hoa Anh Đào nở rộ, hồ Xuân Hương khoác một bộ áo lụa hồng thật tươi, náo nức, kiều sang. Lúc ấy ít ai nhớ đến tuổi thơ hoang dại của nàng, tuổi thơ hoang dã của người Chil, người Lat.

Có người nghĩ rằng Xuân Hương do vẻ đẹp phương tây nên hướng ngoại, và thờ ơ với cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc. Không, Xuân Hương là chứng nhân niềm tự hào, anh dũng của thành phố. Hồ Xuân Hương soi bóng khách sạn Palace, nơi đã tiếp đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa dự Hội nghị Đà Lạt năm 1946. Tại hội nghị này (tổ chức ở trường Yersin) lần đầu tiên đoàn đại biểu Pháp phải chịu lắng nghe các đại biểu Việt Nam nói bằng tiếng Việt.

Tháng 10 năm 1984, UBND tỉnh Lâm Đồng quyết định sửa sang lại hồ Xuân Hương, xây lại cầu ông Đạo. Trong 6 tháng, hồ Xuân Hương trở lại thời hoang dã. Nước được tháo cạn, đáy hồ được vét sâu thêm. Nhân dân Đà Lạt có dịp hiểu thêm lịch sử của hồ nước, phát hiện một số di chỉ của con người có lẽ đã cư trú ở Đà Lạt khá xa xưa.

Sự chỉnh trang hồ Xuân Hương lần này (1984) rất lớn từ trước đến nay, kể cả năm kỹ sư Trần Đăng Khoa xây đập ông Đạo (1934).

Nữ thi sĩ Việt Nam của thế kỷ 19, có nước da ngăm ngăm đen, mặt rỗ hoa với số phận hẩm hiu của thời phong kiến đã sáng tác những bài thơ Việt rất có giá trị lưu danh được đặt tên cho mặt hồ nước trên cao nguyên Lang Biang: Xuân Hương. Trong gần 30 năm (1959-1986), nàng trở thành một trang kiêu diễm, là nơi tiếp đón khách du lịch của toàn đất nước Việt Nam thống nhất, và của cả thế giới. Hồ Xuân Hương là chứng nhân của Thành phố Hoa anh hùng qua những phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc 1930-1945, 1960-1963, 1966-1968, 1970-1971, và năm 1975, năm của đất nước hai miền thống nhất...

5. ĐÈO PRENN

Vào thành phố Đà Lạt, từ đường 20 (Đà Lạt - Sài Gòn) du khách phải qua một đường đèo. Đó là đèo Prenn dài 10km. Prenn gốc tiếng Chăm (Chàm) có ý nghĩa xa xưa là vùng xâm chiếm. Một số dân tộc ít người ở Đà Lạt - Lâm Đồng gọi người Chăm xa xưa là Prenn, liên hệ với Vương quốc Chăm thế kỷ 17 (Triều đại Pô Rômê (1625-1651). Theo sử Chăm, Pô Rômê xây dựng một vương triều hùng mạnh về quân sự. Khác với Kloong Giarai mở rộng vương quốc với chính sách xâm thực đất đai bằng cách đào kênh, khơi suối lên phía Tây Panduranga (Phan Rang), Pô Rômê áp dụng biện pháp quân sự, đưa quân đánh chiếm các miền lân cận trong đó có vùng Đà Lạt - Lâm Đồng. Cuộc chiến tranh này khá dai dẳng và ngọn núi Prenn là ranh giới chiến trường xâm lăng và bảo vệ lãnh thổ. Từ chân dãy Prenn cho đến Đơn Dương (Dran) là miền đất mà người Chăm thường chiếm cứ, đến nay rải rác còn một số di tích Chăm. Các dân tộc người Chil, Churu, Koho-Srê chịu ảnh hưởng văn hóa Chăm từ đó. Một số tên làng ở Đơn Dương, Đức Trọng mang tên Chàm cũng do sự kiện trên: Làng Kloong, N'Thôi... Còn từ Prenn lên Đà Lạt các tộc người Lát, Koho vẫn giữ được buôn làng độc lập của mình.

Thác Prenn ở ngay tận chân đèo Prenn, gần đường 20, cách Đà Lạt 10 km. Thác cao 6m, nước từ cao đổ xuống như một bức màn kết bằng ngọc lỏng lạnh. Thành thác là những tảng đá lớn vững chắc. Qua màn nước lỏng lạnh ngay dưới vòm đá, có chiếc cầu gỗ bắc ngang. Du khách có thể qua cầu, và thác đổ trên đầu. Khách có thể tưởng tượng đây là động Thủy Liêm và một lần làm Hầu Vương Tôn Ngộ Không. Từ quốc lộ 20 vào thác, khách đi ngang qua cầu ngắn, có thang vịn. Con đường đi xuống thác đẹp như tranh Tàu. Quanh thác là những khu rừng thoáng đãng, chim chóc thật nhiều. Trước 1963, Prenn có Thảo cầm viên với khá đủ mảnh thú, chim muông và hoa cỏ. Prenn có một thời là nơi nghỉ chân của Ngô Đình Nhu trong những chuyến đi săn và tiếp các bộ lạc Tây Nguyên. Từ sau 1968, thác Prenn như bị bỏ quên. Thác thì vẫn đổ, vẫn gầm thét trong mùa mưa lũ như tiếng gọi xa xăm của Chúa sơn lâm, nhưng du khách thưa thớt. Đó là thời kỳ mà nhân dân thành phố đang lao vào cuộc tranh đấu dân chủ. Thỉnh thoảng ở đây cũng có những cuộc "Pique - nique", những buổi họp kín của học sinh, sinh viên dưới dạng chơi núi ngoạn cảnh, hoặc của những tình khác đến Đà Lạt muốn xem thắng cảnh của Đà thành. Hai con hổ đói, hai con nai gầy còm còn lại của Thảo cầm viên sau một thời nhộn nhịp đến năm 1972 cũng biến mất. Có người loan tin voi, cọp đã thoát được gông cùm xiềng xích về rừng. Những người yếu bóng vía lo sợ cọp sảy chuồng rình rập quanh đèo Prenn, không còn dám đi thăm cảnh đẹp. Sau 1972, Prenn càng vắng khách du lịch.

Sau 1978, Prenn từng bước được tu chỉnh do Công ty du lịch Lâm Đồng quản lý. Một cửa hàng giải khát khang trang được xây cất bên vệ đường trước ngõ vào thác. Những con đường, vườn hoa dần dần có người chăm sóc. Trong những ngày lễ, ngày tết, thác Prenn bắt đầu rộn rịp đón khách bốn phương.

6. THÁC ĐATANLA

Ở gần giữa đèo Prenn cách Đà Lạt 5 km. Từ đường 20 xuống thác, du khách trượt dốc khoảng 300m, xuống tận thung lũng sâu. Con đường mòn có dốc thẳng. Du khách nào không quen leo núi sẽ lo lắng khó xuống thăm được thác. Còn ai có chí mạo hiểm sẽ vô cùng thích thú khi nhảy qua những tảng đá, khi lách mình sau những lùm cây, bắt chợt bắt gặp các chú sóc, chồn lơ lảo nhin.

Datanla do các từ Koho ghép lại : Đà - Tầm - N'ha (nước dưới lá). Dòng suối này liên hệ đến lịch sử Đà Lạt, đến cuộc chiến tranh Chăm - Lạc, Chil. Nhờ có nước, người Lạt đã "trụ" được Prenn, giữ được Đà Lạt trong khi người Chăm không biết "dưới lá có nước" nên đành phải rút sau một thời gian vây đánh người Lạt tại Prenn. Datanla là nguồn sức mạnh của các tộc người bản địa Đà Lạt. Datanla đi vào lịch sử bảo vệ quê hương, truyền thống độc lập của người Đà Lạt - Lâm Đồng. Theo truyền thuyết xa xưa của người Lạt, Chil, Datanla là nơi dừng sĩ Lang đã đánh thắng 2 rắn tinh, 7 chó sói cứu Bian thoát nạn. Từ đó Datanla là nơi hẹn hò của đôi tình nhân bộ lạc Lang-Bian, và bắt đầu núi rừng hoang sơ có sử.

Cảnh vật quanh thác thật hoang dã và đẹp mang mang. Thác từ ghềnh cao tuôn xuống thành dòng suối len lỏi trong các tảng đá rồi xa hút vào rừng sâu. Những tảng đá bóng nhẵn rất đẹp. Tương truyền ngày xưa các tiên nữ ở thượng giới hay xuống tắm mát ở suối này nên suối mang tên là Suối Tiên. Ngày xa xưa ấy, đất trời gần gũi, người và tiên dễ gặp nhau. Nhưng rồi không rõ vì đâu những nàng tiên đi biệt, để lại nỗi nhớ bao la cho trần gian. Trần gian nhớ tiên chỉ còn nghe róc rách nước suối chảy :

*"Từ thuở tiên về sâu chẳng nhỏ
Trần gian thôi nhớ chuyện trên trời."*

(Huy Cận)

Dân gian thôi nhớ chuyện tiên mà trở lại việc trần: Datanla chỉ là một thác nhỏ, đẹp. Còn những thác lớn, hùng vĩ khác của Đà Lạt - Lâm Đồng như Gougah, Pongour... có dịp mời khách nhớ đến thăm...

NGUYỄN DIỆP

Nguồn: DALAT Du lịch Lâm Đồng, 1986, số 2

(1) Trước đây, chính quyền Sài Gòn gọi các dân tộc ít người là các "sắc tộc".

(2) Baudrit : Naissance de Dalat - Reuve Indochine N0 180 (2-1994)

(3) Câu ca dao này do học sinh Trần Hưng Đạo năm học 1969 - 1970 sưu tầm, so với các câu ca dao về Đà Lạt đăng trong Thời Nay số 3, 4... (1959) có hơi khác.

(4) Theo lời kể của người dân tại chỗ, do học sinh Trần Hưng Đạo sưu tầm năm 1969-1970.

(5) Phạm Khắc Hòe, sinh năm 1901, tại Nghệ Tĩnh, tốt nghiệp Cao đẳng pháp luật và hành chính, trước năm 1945 làm ngự tiền văn phòng tổng lý cho Bảo Đại, sau 1946 tham gia kháng chiến, là tác giả của hai tập sách.

(6) Hàn Mặc Tử, *Đà Lạt Sương Mờ*.

(7) Kể từ 1959, Hồ Lớn (Grand Lac) mới được chính thức gọi là hồ Xuân Hương, mặc dù từ 1953, Nguyễn Văn đã đổi Grand Lac là Xuân Hương.

(8) Trong cuộc chiến Panduranga - Đà Lạt, người Chin, Lat, Srê... kiên cường không chịu sự đô hộ của người Chăm. Vì vậy người Chăm đặt tên cho các tộc người trên là Koho (kahow) trong tiếng Chăm có nghĩa là người miền Thượng, người ngoài vương quốc Chăm. Vì vậy mà ngày nay chúng ta thấy có các bộ tộc có tên ghép: Kho-Srê, Kho-Chin, Kho-Lat... Có giả thuyết khác cho rằng Prenn Kloong, N'Thôn... không phải gốc từ Chăm.

(9) Do nhóm A.N.T4 tại Đà Lạt - Lâm Đồng phổ biến rộng, nhờ đó dịch cũng ít đến rình mò tại Prenn.